

Số: 230/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 624/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24/8/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Trần Văn T**, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Phòng 513 – CT1 A2 T, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

- **Chị Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1991; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Phòng 902, CT6 Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội vào ngày 11/12/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ giữa năm 2016 cho đến nay. Nay anh T và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, nên anh T và chị T cùng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T xác định có 01 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 29/6/2013. Khi ly hôn, anh T và chị T thỏa thuận giao cháu Trần Minh K, sinh ngày 29/6/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T

- Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T xác định có 01 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 29/6/2013. Giao cháu Trần Minh K, sinh ngày 29/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế; anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế. Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Trần Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005902 ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Thẩm phán

Đàm Văn Thuận

